

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **250 /2021/DS-ST**

Ngày: 06/12/2021

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Đoàn Thanh Phong**;
2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 98/2021/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-DS ngày 26/5/2021 và thông báo mở lại phiên tòa ngày 28 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông **Bùi Quang G**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, Tỉnh Tiền Giang.

***Bi đơn:** Anh **Nguyễn Minh H**, sinh năm 1977;

Chị **Trần Thị N**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: 53 ấp E, xã F, huyện A, Tỉnh Tiền Giang.

• Người làm chứng: Bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện D, Tỉnh Tiền Giang.

(Ông G, anh H, chị N, bà N có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải ông Bùi Quang G trình bày:** Do quen biết nên anh H, chị N có vay mượn của ông G nhiều

lần cụ thể: Ngày 04/02/2020 Âm lịch mượn 20.000.000 đồng; ngày 13/02/2020 Âm lịch mượn 100.000.000 đồng; ngày 18/02/2020 Âm lịch mượn 20.000.000 đồng; ngày 16/02/2020 Âm lịch mượn 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng anh H, chị K mượn ông G là 190.000.000 đồng. Khi mượn anh H và chị K đều có viết biên nhận và ký tên cho tôi. Mỗi lần mượn đều hẹn 01 tháng trả với mục đích đáo hạn ngân hàng. Thỏa thuận lãi suất là 1.000.000 đồng là trả 5.000 đồng tiền lãi mỗi ngày. Anh H và chị K có đóng lãi cho tôi từ 18/3/2020 Âm lịch đến tháng 7/2020 Âm lịch với số tiền lãi mỗi tháng là 28.500.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi đã trả cho anh G là 142.500.000 đồng. Anh H và chị K chưa trả tiền vốn mà anh H lấy tiền đáo hạn ngân hàng để mở trại gà. Đến hẹn anh H, chị K không trả tiền cho anh G mà cứ hẹn lần hẹn lượt.

Ngày 02/11/2021 ông Bùi Quang G có bản tường trình cho rằng quá trình vay mượn nợ anh H, chị N trả tiền lãi nhất, trong đó vợ chồng anh H trả đưa cho bà Bùi Thị N (là chị ruột) của ông G nên không nhớ rõ là nhận vốn hay lãi, ông G có nhận 142.500.000 đồng nhưng trong đó có 50.000.000 đồng là tiền vốn. Nay ông G yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H và chị K trả cho tôi số tiền vốn là 140.000.000 đồng, tôi không yêu cầu trả lãi, yêu cầu trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

*** Bị đơn anh Nguyễn Minh H và chị Trần Thị K trình bày:** Vợ chồng anh H, chị N thừa nhận có mượn ông G số tiền từ 04 lần mượn như ông G trình bày. Anh H, chị N có viết biên nhận và ký tên, thống nhất lãi suất là 1.000.000 đồng là trả 5.000 đồng tiền lãi mỗi ngày, thời hạn vay là 01 tháng với mục đích là chăn nuôi nhưng do chăn nuôi thua lỗ nên không có khả năng trả vốn như đã hứa cho ông G. Vợ chồng anh H, chị N đã trả lãi hàng tháng cho ông G mỗi tháng là 28.500.000 đồng từ tháng 3/2020 Âm lịch tức 4/2020 dương lịch đến tháng 8/2020 Âm lịch tức tháng 9/2020 dương lịch (06 tháng) với tổng số tiền là 171.000.000 đồng. Từ đó đến nay do không có khả năng trả lãi nữa nên anh chị không có trả khoản tiền nào cho ông G. Nay đối với yêu cầu của ông G, vợ chồng anh H, chị N không đồng ý trả số tiền 190.000.000 đồng vì lãi cho mượn quá cao.

Đồng thời, anh H, chị N có yêu cầu phản tố tính lãi lại theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước là 1,66%/tháng, phần lãi trả dư ra sẽ trừ vào phần vốn còn thiếu cụ thể như sau: Tiền lãi theo lãi suất nhà nước quy định là 1,66%/tháng x 06 tháng x 190.000.000 đồng là 18.924.000 đồng. Sau khi trừ vào phần lãi chúng tôi đã đóng là 171.000.000 đồng thì số tiền lãi dư ra là 152.076.000 đồng. Số tiền này chúng tôi yêu cầu trừ vào tiền vốn còn thiếu là 190.000.000 đồng. Vì vậy chúng tôi chỉ còn thiếu ông G 37.924.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng nhà nước quy định 1,66%/tháng từ tháng 9/2020 âm lịch tức 10/2020 dương lịch đến ngày xét xử tạm tính đến nay là 07 tháng là 4.406.768 đồng. Do đó, anh H, chị N chỉ đồng ý trả cho ông G số tiền tổng cộng là 42.330.768 đồng, đồng ý trả hết số tiền này trong vòng 04 tháng.

*** Người làm chứng bà Bùi Thị N trình bày:**

Bà là chị hai của Bùi Quang G và buôn bán tại chợ chung với vợ chồng anh H, chị N. Bà có biết vợ chồng anh H, chị N có vay mượn tiền của G, việc vay mượn giữa các bên bà không rõ, không biết số tiền là bao nhiêu nhưng thỉnh thoảng vợ chồng chị N có gởi tiền cho bà để bà đem về đưa cho G. Bà chỉ nghe nói tiền này là trả một phần vốn, lãi cho G.

*** Tại phiên tòa**, ông Bùi Quang G thay đổi yêu cầu khởi kiện anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn 140.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi. Thực hiện trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông G.

Anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N vẫn giữ y yêu cầu phản tố cho rằng đã trả lãi cho anh G 06 tháng, mỗi tháng là 28.500.000 đồng đã vượt lãi so với qui định nêu vợ chồng anh yêu cầu tính lãi lại theo lãi suất là 1,66%/tháng, phần lãi trả dư ra sẽ trừ vào phần vốn còn thiếu cụ thể như sau: Tiền lãi theo lãi suất nhà nước quy định là 1,66%/tháng x 06 tháng x 190.000.000 đồng là 18.924.000 đồng. Sau khi trừ vào phần lãi đã đóng là 171.000.000 đồng thì số tiền lãi dư ra là 152.076.000 đồng. Số tiền này anh chị yêu cầu trừ vào tiền vốn còn thiếu là 190.000.000 đồng. Vì vậy anh H, chị N chỉ còn thiếu ông G 37.924.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định 1,66%/tháng từ tháng 9/2020 âm lịch tức 10/2020 dương lịch đến ngày Tòa án xét xử. Số tiền còn lại anh H, chị N sẽ trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng đến khi hết số nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang G khởi kiện anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông số tiền 140.000.000 đồng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản” tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 và thuộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, cùng các lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: giữa ông G và anh H, chị N có xác lập quan hệ vay mượn tiền, do có quen biết quan hệ bạn bè nên ông G có cho vợ chồng anh H, chị N vay số tiền 190.000.000 đồng (một trăm chín mươi triệu đồng) cụ thể bốn lần vay vào ngày 04/02/2020 Âm lịch mượn 20.000.000 đồng; ngày 13/02/2020 Âm lịch mượn 100.000.000 đồng; ngày 18/02/2020 Âm lịch mượn 20.000.000 đồng; ngày 16/02/2020 Âm lịch mượn 50.000.000 đồng và cam kết trả vào ngày 18/9/2020 Al sẽ trả, có viết biên nhận. Đến hết thời gian như thoả

thuận, vợ chồng anh H, chị N không thực hiện trả tiền vốn đầy đủ cho ông G. Như vậy vợ chồng anh H, chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông G, việc không trả tiền như thỏa thuận đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông G, nay ông G khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh H, chị N phải trả số tiền vốn 140.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi là chưa phù hợp với qui định của pháp luật.

Bởi: Tại các biên bản hoà giải ngày 05/5/2021 và ngày 25/5/2021 ông Bùi Quang G thừa nhận giữa vợ chồng anh H, chị N có thỏa thuận lãi suất đối với số tiền vay 190.000.000 đồng là 5000 đồng/1.000.000 đồng cho mỗi ngày, như vậy 28.500.000 đồng/tháng, ông G thừa nhận đã lấy 05 tháng tiền thành tiền là 142.500.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng nhận nhiều lần, lắt nhắt, trong đó có 50.000.000 đồng là tiền vốn nhưng ông cho rằng đã thống nhất thỏa thuận lãi suất thì phải có nghĩa vụ trả lãi và không có biên nhận nên không đồng ý cho việc cản trừ tiền lãi vào vốn. Hội đồng xét xử xét thấy lời thừa nhận của ông G có nhận số tiền 142.500.000 đồng và ông không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản hay lời trình bày của anh H, chị N đưa ra thì anh H, chị N không phải chứng minh, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang G.

[3] Đối với lời trình của vợ chồng anh H, chị N cho rằng anh chị có vay mượn tiền của ông G theo các biên nhận nêu trên là 190.000.000 đồng nhưng đã trả lãi cho ông G là 15%/tháng, đã trả được 06 tháng là 171.000.000 đồng nên không đồng ý trả số tiền 140.000.000 đồng cho ông G. Lời trình bày này là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4] Đối với yêu cầu phản tố tính lãi lại của anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N cho rằng anh chị chưa trả vốn cho ông G mà trả cho ông G 15%/tháng tiền lãi tức là 28.500.000 đồng, trả được 06 tháng (từ tháng 3/2020 đến tháng 8/2020) là 171.000.000 đồng. Từ tháng 9/2020 thì nhưng không trả lãi cho ông G. Số tiền 171.000.000 đồng vợ chồng anh chị đã trả vượt quá lãi suất do Ngân hàng Nhà nước qui định, vợ chồng anh chị yêu cầu tính lại lãi suất là 1,66%/tháng trong thời gian 06 tháng là 18.924.000 đồng như vậy vợ chồng anh chị trả vượt tiền lãi là 152.076.000 đồng, cản trừ vào vốn số tiền 190.000.000 đồng, anh chị chỉ đồng ý trả cho ông G là 37.924.000 đồng và lãi suất từ tháng 9/2020 âm lịch đến khi Toà án xét xử tạm tính là 07 tháng 4.406.768 đồng, tổng cộng là 42.330.768 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 về lãi suất, mức lãi suất vay tiền cũng theo thỏa thuận, nhưng không được vượt quá 20%/năm (nếu thỏa thuận không rõ thì sẽ là 10%/năm). Lời thừa nhận của ông G cho thấy ông đã nhận là 142.500.000 đồng, trong đó có 50.000.000 đồng là tiền vốn, 92.500.000 đồng là lãi, do đó đã vượt quá lãi suất theo pháp luật qui định. Anh H, chị N khởi kiện yêu cầu tính lãi suất lại theo qui định của pháp luật là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên anh chị cho rằng trả 06 tháng tiền lãi là 171.000.000 đồng, không có giấy tờ biên nhận, không có tài liệu chứng cứ chứng minh, mặc khác ông G không thừa nhận mà chỉ nhận là 142.500.000 đồng nhưng trong đó có 50.000.000 đồng là tiền vốn. Như vậy việc khấu trừ được tính như sau:

190.000.000 đồng – 50.000.000 đồng = 140.000.000 đồng là tiền vốn.

142.500.000 đồng – 50.000.000 đồng = 92.500.000 đồng là tiền lãi ông G đã nhận.

Tiền lãi ông Bùi Quang G được nhận tính theo lãi suất qui định của pháp luật là 1,66% tính từ 18/3/2020 Âm lịch (tháng 4 dương lịch) đến tháng 7/2020 Âm lịch (tháng 8 dương lịch) là 05 tháng với số tiền 15.770.000 đồng.

$92.500.000 - 15.770.000 \text{ đồng} = 76.730.000 \text{ đồng.}$

Ông G nhận tiền lãi 76.730.000 đồng đã vượt quá đối với số tiền lãi theo qui định của pháp luật nên trừ vào số tiền vốn 140.000.000 đồng

$140.000.000 \text{ đồng} - 76.730.000 \text{ đồng} = 63.270.000 \text{ đồng}$ (sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng). Do đó, buộc anh H, chị N phải trả cho ông G số tiền vốn là 63.270.000 đồng (sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng)

[5] Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N trả cho ông Bùi Quang G lãi suất của số tiền 63.270.000 đồng tính từ tháng 9/2020 đến khi Toà án xét xử tháng 12/2021 là 15 tháng, lãi suất 1,66% thành tiền 15.754.230 đồng (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi đồng).

[6] Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N trình bày sau khi cần trừ lãi vào vốn, số tiền còn lại 63.270.000 đồng, lãi 15.754.230 đồng, anh chị đồng ý trả nhưng xin trả dần hàng tháng là 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận vì số tiền này anh chị đã vi phạm cam kết trả nợ, kéo dài thời gian gây ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp cho ông G và không được ông Bùi Quang G đồng ý.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 468 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Quang G.

1. Buộc anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Quang G số tiền vốn 63.270.000 đồng (sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N trả cho ông Bùi Quang G số tiền lãi 15.754.230 đồng (mười lăm triệu bảy trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm ba mươi đồng).

Trường hợp anh H, chị N chậm thi hành án số tiền nêu trên thì anh H, chị N phải trả cho ông G tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Bùi Quang G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.048.700 đồng (ba triệu không trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm đồng).

Ông Bùi Quang G đã nộp 4.868.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm ngày 08/4/2021 theo biên lai thu số 0005023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Tiền Giang nên hoàn lại cho ông số tiền 1.809.000 đồng (một triệu tám trăm lẻ chín ngàn đồng).

Anh Nguyễn Minh H, chị Trần Thị N phải nộp 3.983.000 đồng (Ba triệu chín trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Anh H, chị N đã nộp 3.802.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ngày 11/5/2021 theo biên lai thu số 0004885 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, Tiền Giang nên phải nộp tiếp số tiền là 181.000 đồng (một trăm tám mươi một ngàn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng